

SỞ GD&ĐT THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG THCS&THPT QUẢNG KHÊ

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH 10 NĂM HỌC 2026-2027

STT	SBD	Họ tên	Giới tính	Mã trường THCS	Trường THCS	Điểm UTK K	Toán	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Tổng điểm bài thi	Tổng điểm xét tuyển
1		Triệu Ngọc Anh	Nữ		Phổ thông dân tộc nội trú Ba Bể						Tuyển thẳng
2		Vàng Văn Đại	Nam		Trung học cơ sở Khang Ninh						Tuyển thẳng
3		Dương Tuấn Hải	Nam		Phổ thông dân tộc nội trú Ba Bể						Tuyển thẳng
4		Lý Đức Hiếu	Nam		Phổ thông dân tộc nội trú Ba Bể						Tuyển thẳng
5		Nông Dương Trà My	Nữ		Phổ thông dân tộc nội trú Ba Bể						Tuyển thẳng
6		Hoàng Thị Diệu Ngân	Nữ		Phổ thông dân tộc nội trú Ba Bể						Tuyển thẳng
7		Triệu Thành Phong	Nam		Phổ thông dân tộc nội trú Ba Bể						Tuyển thẳng
8		Dương Vinh Quang	Nam		Phổ thông dân tộc nội trú Chợ Đồn						Tuyển thẳng
9		Sùng Văn Thái	Nam		Phổ thông dân tộc nội trú Ba Bể						Tuyển thẳng
10		Bàn Thị Hương Trà	Nữ		Phổ thông dân tộc nội trú Ba Bể						Tuyển thẳng
11		Đàm Huyền Trang	Nữ		Phổ thông dân tộc nội trú Ba Bể						Tuyển thẳng
12		Lý Huyền Trang	Nữ		Phổ thông dân tộc nội trú Ba Bể						Tuyển thẳng
13		Sầm Văn Ván	Nam		Phổ thông dân tộc nội trú Ba Bể						Tuyển thẳng
14		Giàng Thị Ngọc Yến	Nữ		Phổ thông dân tộc nội trú Ba Bể						Tuyển thẳng
15	0080072	Vũ Ngọc Bích	Nữ	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	4.25	7.5	3.5	15.25	16.25
16	0080074	Hoàng Thị Mỹ Duyên	Nữ	1033	THCS Đồng Phúc	1	6.25	8	4.75	19	20
17	0080075	Triệu Khải Đạo	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	5	7.75	2.25	15	16
18	0080076	Nguyễn Hải Đăng	Nam	1017	TH&THCS Nam Mẫu	2	3.25	6.75	4.25	14.25	16.25
19	0080077	Triệu Minh Hằng	Nữ	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	6	8.25	3	17.25	18.25
20	0080078	Triệu Khánh Huyền	Nữ	1044	PTDTBT THCS Xuân Lạc	1	4.25	7.5	3.25	15	16
21	0080081	Nông Thị Diệu Ly	Nữ	1020	Phổ thông dân tộc nội trú Ba Bể	1	7.5	7.75	3.5	18.75	19.75
22	0080082	Bàn Hữu Nguyên	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	7	7.5	5.75	20.25	21.25
23	0080083	Hứa Trí Nhân	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	6	6.75	5.25	18	19
24	0080084	Nông Dương Hoàng Nhật	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	5.5	7.75	3.25	16.5	17.5
25	0080085	Ma Thị Phương Nhi	Nữ	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	5.5	8.25	2.25	16	17
26	0080086	Triệu Khánh Quân	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	4	8.5	2.5	15	16
27	0080087	Triệu Thị Ngọc Quế	Nữ	1017	TH&THCS Nam Mẫu	1	5	8	4.25	17.25	18.25
28	0080088	Nông Thị Mai Thương	Nữ	1020	Phổ thông dân tộc nội trú Ba Bể	1	5	8	3	16	17
29	0080089	Triệu Trung Viễn	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	4.75	8	2.25	15	16
30	0080090	Lường Hà Vy	Nữ	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	5.5	7.25	3.25	16	17
31	0720001	Hoàng Ngọc An	Nam	1018	PTDTBT THCS Cao Thượng	1	3.25	3.5	2.75	9.5	10.5

32	0720002	Lê Ngọc Anh	Nữ	1033	THCS Đồng Phúc	1	3.75	5.5	2.5	11.75	12.75
33	0720003	Hoàng Trí Bằng	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	6.5	6.5	6.5	19.5	20.5
34	0720004	Tô Hữu Bằng	Nam	1018	PTDTBT THCS Cao Thượng	1	4.25	4.25	3	11.5	12.5
35	0720005	Hoàng Thị Biều	Nữ	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	3	6.25	3.75	13	14
36	0720006	Triệu Tiến Bộ	Nam	1031	TH&THCS Hoàng Trĩ	1	0.5	3	3.5	7	8
37	0720007	Hoàng Thị Bảo Châm	Nữ	1033	THCS Đồng Phúc	1	3.25	5	2.5	10.75	11.75
38	0720008	Nông Bảo Châm	Nữ	1017	TH&THCS Nam Mẫu	1	3.5	6.5	3.25	13.25	14.25
39	0720009	Bàn Thị Quỳnh Chi	Nữ	1019	THCS Khang Ninh	1	3.5	5	3	11.5	12.5
40	0720010	Triệu Thị Chi	Nữ	1031	TH&THCS Hoàng Trĩ	1	3	5.25	2.75	11	12
41	0720011	Triệu Thị Yến Chi	Nữ	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	4.5	6.5	3	14	15
42	0720012	Triệu Thị Chuyên	Nữ	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	2.75	5.25	3	11	12
43	0720013	Mùng Ngọc Cúc	Nữ	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	4	5.25	2.75	12	13
44	0720014	Hoàng Minh Cường	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	2.5	5.75	3.5	11.75	12.75
45	0720015	Lý Mạnh Cường	Nam	1017	TH&THCS Nam Mẫu	1	2	6.5	4	12.5	13.5
46	0720016	Nông Văn Cường	Nam	1033	THCS Đồng Phúc	1	5.5	3.75	1.5	10.75	11.75
47	0720017	Lý Văn Diên	Nam	1017	TH&THCS Nam Mẫu	1	0.25	3.75	2.5	6.5	7.5
48	0720018	Hoàng Mạnh Dũng	Nam	1018	PTDTBT THCS Cao Thượng	1	4.5	5.75	4.5	14.75	15.75
49	0720019	Đồng Ngọc Duy	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	1.5	6.5	3.5	11.5	12.5
50	0720020	Hoàng Ngọc Duy	Nam	1031	TH&THCS Hoàng Trĩ	1	5	3.75	5.75	14.5	15.5
51	0720021	Lường Đức Duy	Nam	1033	THCS Đồng Phúc	1	5.25	5.75	2	13	14
52	0720022	Vũ Thị Duyên	Nữ	1018	PTDTBT THCS Cao Thượng	1	4.25	4	4.25	12.5	13.5
53	0720023	Nông Thế Đan	Nam	1018	PTDTBT THCS Cao Thượng	1	2.75	3.75	2.25	8.75	9.75
54	0720024	Phan Mai Tổ Đan	Nữ	0142	THCS Nha Trang		1	4.5	2.25	7.75	7.75
55	0720025	Hoàng Triệu Đạt	Nam	1046	TH&THCS Nam Cường	1	3	4.25	2.5	9.75	10.75
56	0720026	Lý Trọng Đạt	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	2.5	4.25	2	8.75	9.75
57	0720027	Đồng Thị Phương Diệp	Nữ	1033	THCS Đồng Phúc	1	5.75	7.25	4	17	18
58	0720028	Lý Văn Đức	Nam	1033	THCS Đồng Phúc	1	2.25	4.5	2.5	9.25	10.25
59	0720029	Dương Hải Hà	Nữ	1017	TH&THCS Nam Mẫu	1	2.75	6.75	2.25	11.75	12.75
60	0720030	Hoàng Ngân Hà	Nữ	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	8.75	8.75	5.25	22.75	23.75
61	0720031	Hoàng Thị Thu Hà	Nữ	1033	THCS Đồng Phúc	1	0.75	4.25	3.25	8.25	9.25
62	0720032	Dương Hoàng Hải	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	5.75	6.5	4.25	16.5	17.5
63	0720033	Ma Lự Thu Hạnh	Nữ	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	4.75	5.25	2.75	12.75	13.75
64	0720034	Triệu Thúy Hằng	Nữ	1033	THCS Đồng Phúc	1	6.25	7.75	5.5	19.5	20.5
65	0720035	Triệu Nông Hậu	Nam	1017	TH&THCS Nam Mẫu	1	0	5.5	3.5	9	10
66	0720036	Hoàng Thị Hiền	Nữ	1033	THCS Đồng Phúc	1	3	5	1.75	9.75	10.75
67	0720037	Nông Hoàng Hiếu	Nam	1017	TH&THCS Nam Mẫu	1	2	3	1.75	6.75	7.75
68	0720038	Hoàng Thị Hoa	Nữ	1032	TH&THCS Bằng Phúc	1	5.75	7	2.75	15.5	16.5
69	0720039	Nguyễn Thị Thu Hòa	Nữ	1032	TH&THCS Bằng Phúc	1	0	0	0	0	1

70	0720040	Đồng Thị Thúy Hồng	Nữ	1017	TH&THCS Nam Mẫu	1	2.75	7.75	6	16.5	17.5
71	0720041	Triệu Thị Thu Huyền	Nữ	1033	THCS Đồng Phúc	1	2	6.5	1.75	10.25	11.25
72	0720042	Đàm Đồng Hưng	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	4.25	5	2.5	11.75	12.75
73	0720043	Nông Quốc Hưng	Nam	1033	THCS Đồng Phúc	1	3.25	5.25	2.5	11	12
74	0720044	Lộc Thị Mai Hương	Nữ	1033	THCS Đồng Phúc	1	3.75	6	2.75	12.5	13.5
75	0720045	Ma Thị Hường	Nữ	1033	THCS Đồng Phúc	1	7.25	8.5	5.5	21.25	22.25
76	0720046	Triệu Đức Khang	Nam	1033	THCS Đồng Phúc	1	1.25	4	3.75	9	10
77	0720047	Đặng Duy Khánh	Nam	1031	TH&THCS Hoàng Trĩ	1	5	5.5	3	13.5	14.5
78	0720048	Lường Duy Khánh	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	7.75	8	2.5	18.25	19.25
79	0720049	Sùng Trung Khánh	Nam	1017	TH&THCS Nam Mẫu	1	1.25	3.75	3.25	8.25	9.25
80	0720050	Đồng Phúc Khiêm	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	4.75	6.25	3.75	14.75	15.75
81	0720051	Chung Dương Khôi	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	7	7.75	3.5	18.25	19.25
82	0720052	Đàm Anh Khôi	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	7.25	7.75	4.25	19.25	20.25
83	0720053	Ma Đăng Khôi	Nam	1033	THCS Đồng Phúc	1	1.75	4.25	2.75	8.75	9.75
84	0720054	Hoàng Trung Khuyến	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	5	6.25	2.25	13.5	14.5
85	0720055	Hoàng Trung Kiên	Nam	1046	TH&THCS Nam Cường	1	0.5	4	2.5	7	8
86	0720056	Hoàng Anh Kiệt	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	1.5	4.5	3.5	9.5	10.5
87	0720057	Lục Triệu Anh Kiệt	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	3.75	5.75	2.75	12.25	13.25
88	0720058	Triệu Đức Kỳ	Nam	1033	THCS Đồng Phúc	1	2	2.5	2	6.5	7.5
89	0720059	Đồng Thị Hương Lan	Nữ	1033	THCS Đồng Phúc	1	6.5	8.25	3.5	18.25	19.25
90	0720060	Lềng Mai Lan	Nữ	1032	TH&THCS Bằng Phúc	1	1	3	3	7	8
91	0720061	Hoàng Nông Lâm	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	5.25	4.75	2.25	12.25	13.25
92	0720062	Hoàng Hà Linh	Nữ	1033	THCS Đồng Phúc	1	2.25	5.75	2.25	10.25	11.25
93	0720063	Triệu Thị Linh	Nữ	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	3	6.5	2	11.5	12.5
94	0720064	Bế Thiện Lợi	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	3	6.25	3.75	13	14
95	0720065	Hứa Văn Luyện	Nam	1031	TH&THCS Hoàng Trĩ	1	6	5	2.5	13.5	14.5
96	0720066	Trần Thị Huyền Ly	Nữ	1031	TH&THCS Hoàng Trĩ	1	2.25	3.25	3	8.5	9.5
97	0720067	Dương Thị Quỳnh Mai	Nữ	1031	TH&THCS Hoàng Trĩ	1	2	4.5	2.25	8.75	9.75
98	0720068	Hà Đức Mạnh	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	2.75	3.75	1.75	8.25	9.25
99	0720069	Triệu Huy Mạnh	Nam	1033	THCS Đồng Phúc	1	1.25	1.5	1.25	4	5
100	0720070	Dương Thùy May	Nữ	1032	TH&THCS Bằng Phúc	1	2.75	5.5	2.5	10.75	11.75
101	0720071	Đặng Quốc Minh	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	2.25	4.25	3.25	9.75	10.75
102	0720072	Nông Hoàng Công Minh	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	5.25	6.5	3.5	15.25	16.25
103	0720073	Chạo Thị Muội	Nữ	1046	TH&THCS Nam Cường	1	0	0	0	0	1
104	0720074	Mạch Li Na	Nữ	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	6	7.75	4.75	18.5	19.5
105	0720075	Triệu Thị Ngọc Na	Nữ	1031	TH&THCS Hoàng Trĩ	1	1.5	5	4.75	11.25	12.25
106	0720076	Hứa Hồng Năm	Nam	1021	THCS Thượng Giáo	1	1.75	4.25	1.5	7.5	8.5
107	0720077	Ma Thị Vi Ngân	Nữ	1031	TH&THCS Hoàng Trĩ	1	5	6.5	7.75	19.25	20.25

108	0720078	Tô Phong Nghĩa	Nam	1031	TH&THCS Hoàng Trĩ	1	4	5	1.75	10.75	11.75
109	0720079	Dương Bảo Ngọc	Nữ	1031	TH&THCS Hoàng Trĩ	1	2.5	6.25	4.25	13	14
110	0720080	Hoàng Như Ngọc	Nữ	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	4	8	2.5	14.5	15.5
111	0720081	Đổng Thị Hạnh Nguyên	Nữ	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	6	7.75	6	19.75	20.75
112	0720082	Ma Thanh Nhân	Nữ	1031	TH&THCS Hoàng Trĩ	1	3.75	6.75	3.25	13.75	14.75
113	0720083	Hoàng Thị Tuyết Nhi	Nữ	1019	THCS Khang Ninh	1	2.75	5.5	3.5	11.75	12.75
114	0720084	Hoàng Thị Nhung	Nữ	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	2	4.75	3	9.75	10.75
115	0720085	Mùng Ngọc Phan	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	5.25	5.5	2.25	13	14
116	0720086	Triệu Tài Phóng	Nam	1031	TH&THCS Hoàng Trĩ	1	1.5	2.75	4.25	8.5	9.5
117	0720087	Triệu Đức Phú	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	5.5	5.75	2	13.25	14.25
118	0720088	Hoàng Minh Phúc	Nam	1031	TH&THCS Hoàng Trĩ	1	8	6.75	5.75	20.5	21.5
119	0720089	Lý Đình Phương	Nam	1033	THCS Đồng Phúc	1	0.5	4.5	2.25	7.25	8.25
120	0720090	Liêu Hữu Quốc	Nam	1046	TH&THCS Nam Cường	1	0.5	5	2.25	7.75	8.75
121	0720091	Triệu Thị Quỳnh	Nữ	1033	THCS Đồng Phúc	1	5.5	6	3	14.5	15.5
122	0720092	Vũ Thị Quỳnh	Nữ	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	7	7.75	5	19.75	20.75
123	0720093	Lộc Thị San	Nữ	1033	THCS Đồng Phúc	1	6.75	6.5	2.5	15.75	16.75
124	0720094	Phạm Tấn Sang	Nam	1033	THCS Đồng Phúc	1	2.75	5.5	2.25	10.5	11.5
125	0720095	Dương Triệu Sơn	Nam	1033	THCS Đồng Phúc	1	1.75	5.25	1.75	8.75	9.75
126	0720096	Lý Liên Tài	Nam	1031	TH&THCS Hoàng Trĩ	1	3.25	6.25	2.75	12.25	13.25
127	0720097	Nguyễn Hoàng Nhật Tân	Nam	1017	TH&THCS Nam Mẫu	1	4	4.5	5.25	13.75	14.75
128	0720098	Trần Nhật Tân	Nam	1046	TH&THCS Nam Cường	1	1.5	3.75	2.25	7.5	8.5
129	0720099	Nông Chí Thành	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	4.75	4	2.75	11.5	12.5
130	0720100	Trần Lý Phương Thảo	Nữ	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	2.25	5.75	2.25	10.25	11.25
131	0720101	Triệu Tiến Thân	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	1.5	4	4.25	9.75	10.75
132	0720102	Sầm Thị Hoài Thu	Nữ	1033	THCS Đồng Phúc	1	3	6	2.5	11.5	12.5
133	0720103	Triệu Đình Thuận	Nam	1033	THCS Đồng Phúc	1	3	7.25	3.75	14	15
134	0720104	Dương Quỳnh Thu	Nữ	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	8	7.75	3.25	19	20
135	0720105	Hoàng Anh Thư	Nữ	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	4.75	6.75	3	14.5	15.5
136	0720106	Triệu Thị Tiên	Nữ	1031	TH&THCS Hoàng Trĩ	1	1.75	5.25	1.25	8.25	9.25
137	0720107	Đàm Thanh Trà	Nữ	1017	TH&THCS Nam Mẫu	1	5.75	6.75	2.75	15.25	16.25
138	0720108	Ma Thị Hương Trà	Nữ	1031	TH&THCS Hoàng Trĩ	1	3.25	0.75	1.75	5.75	6.75
139	0720109	Lý Thị Thùy Trâm	Nữ	1032	TH&THCS Bằng Phúc	1	3.25	7.25	3	13.5	14.5
140	0720110	Nông Bảo Trâm	Nữ	1033	THCS Đồng Phúc	1	5.75	6.75	4	16.5	17.5
141	0720111	Đặng Minh Triết	Nam	1031	TH&THCS Hoàng Trĩ	1	1.25	3.25	2.75	7.25	8.25
142	0720112	Lý Triệu Trinh	Nữ	1033	THCS Đồng Phúc	1	4.5	7.5	4	16	17
143	0720113	Linh Văn Trọng	Nam	1033	THCS Đồng Phúc	1	2.5	6.25	2.25	11	12
144	0720114	Đặng Lý Liên Trung	Nam	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	3.5	5.25	2	10.75	11.75
145	0720115	Hoàng Triệu Khánh Trung	Nam	1046	TH&THCS Nam Cường	1	0.75	3.5	2.25	6.5	7.5

146	0720116	Triệu Văn Tuấn	Nam	1033	THCS Đồng Phúc	1	3	6.5	3	12.5	13.5
147	0720117	Hoàng Danh Tùng	Nam	1032	TH&THCS Bằng Phúc	1	0	0	0	0	1
148	0720118	Triệu Sinh Tùng	Nam	1019	THCS Khang Ninh	1	1.25	3.75	3	8	9
149	0720119	Đàm Thanh Tường	Nữ	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	5	8.75	3.75	17.5	18.5
150	0720120	Đàm Đức Văn	Nam	1074	THCS Bắc Kạn	1	4.25	6	4.25	14.5	15.5
151	0720121	La Thị Kiều Vân	Nữ	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	3.5	8.75	2.25	14.5	15.5
152	0720122	Nguyễn Thảo Vân	Nữ	1033	THCS Đồng Phúc	1	6.25	7.75	2.75	16.75	17.75
153	0720123	Hoàng Quốc Việt	Nam	1033	THCS Đồng Phúc	1	2.25	4.5	2.25	9	10
154	0720124	Lý Quốc Việt	Nam	1017	TH&THCS Nam Mẫu	1	1.25	5.5	3	9.75	10.75
155	0720125	Bàn Thị Thảo Vy	Nữ	1030	THCS&THPT Quảng Khê	1	0.75	6	1	7.75	8.75
156	0720126	Đồng Thị Kiều Vy	Nữ	1031	TH&THCS Hoàng Trĩ	1	4	4.75	3.25	12	13
157	0720127	Nông Hoàng Vy	Nữ	1031	TH&THCS Hoàng Trĩ	1	4	5.5	3.75	13.25	14.25
158	0720128	Triệu Tường Vy	Nữ	1031	TH&THCS Hoàng Trĩ	1	1.75	6.5	3.25	11.5	12.5
159	0720129	Trịnh Yến Vy	Nữ	1030	THCS&THPT Quảng Khê		5.5	7.75	2.25	15.5	15.5
160	0720130	Đồng Trần Phi Yến	Nữ	1031	TH&THCS Hoàng Trĩ	1	9	7.75	6.5	23.25	24.25
161	0720131	Ma Thị Yến	Nữ	1033	THCS Đồng Phúc	1	4.75	8.25	5	18	19